

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **96/2025/DS-ST**

Ngày: 22/9/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và tranh chấp hợp đồng góp hụi*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Minh**;
2. Ông **Nguyễn Văn Y**;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Vinh** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2025/QĐXXST-DS ngày 19/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2025/QĐST-DS ngày 03/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Trần Thị N**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số A, Ấp C, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

Trước là địa chỉ: Số A, Khu phố C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số A, Ấp C, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

Trước là địa chỉ: Số A, Khu phố C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị N, vắng mặt bà H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 07/7/2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn **Trần Thị N** trình bày:

Chị Trần Thị N có cho bị đơn Nguyễn Thị B Hai vay nhiều lần với tổng số tiền vay là 1.200.000.000đồng. Cụ thể:

+ Ngày 13/8/2017 âm lịch (dương lịch là ngày 02/10/2017), cho vay 200.000.000đồng.

+ Ngày 18/4/2018 âm lịch (dương lịch là ngày 01/6/2018), cho vay 300.000.000đồng.

+ Ngày 18/6/2018 âm lịch (dương lịch là ngày 30/7/2018), cho vay 200.000.000đồng.

+ Ngày 26/6/2018 âm lịch (dương lịch là ngày 07/8/2018), cho vay 300.000.000đồng.

+ Ngày 07/9/2018 âm lịch (dương lịch là ngày 15/10/2018), cho vay 200.000.000đồng.

Lãi suất là 2,5%/tháng, vay không kỳ hạn. Lãi của các khoản vay này, bà H đã đóng lãi đầy đủ cho chị N từ lúc vay đến tháng 11/2020 âm lịch, sau đó bà H ngừng đóng lãi cho chị. Đến ngày 24/12/2020 âm lịch, bà H có làm giấy xác nhận nợ cùng ngày cho chị N với số tiền là 1.200.000.000đồng. Bà H có hứa sẽ trả nợ cho chị, nhưng bà không giữ lời.

Ngoài ra, chị có chơi 01 dây hụi tháng 1.000.000đồng/tháng do bà Bé H làm đầu thảo, hụi khai ngày 05/9/2018, chị tham gia 05 phần hụi và hốt chót vào ngày 05/11/2020 âm lịch với số tiền là 148.000.000đồng, nhưng bà H không giao hụi cho chị. Đến tháng 12/2020 âm lịch thì bà H có trả cho chị được 30.000.000đồng, còn lại 118.000.000đồng thì đến ngày 25/01/2021 âm lịch, bà Bé H tự tay viết và ký tên vào cam kết với nội dung xin trả dần tiền nợ hụi này làm 02 lần: Vào ngày 15/02/2021 âm lịch, trả 50.000.000đồng; ngày 25/02/2021 trả 68.000.000đồng; nhưng sau đó, bà H cũng không thực hiện.

Nay chị N yêu cầu bà H trả cho chị 1.200.000.000đồng tiền nợ vay, trả đủ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi của số tiền này. Đối với tiền nợ hụi, chị N xin rút lại yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ hụi, chị sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

* Bị đơn bà **Nguyễn Thị Bé H** dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 03/9/2025. Đồng thời, bà H cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, không có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay

- Nguyên đơn chị Trần Thị N xác định lại yêu cầu khởi kiện của chị là chỉ yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị B Hai trả cho chị 1.200.000.000đồng tiền nợ vay, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi của số tiền này.

Đối với yêu cầu khởi kiện đòi số tiền nợ hui 118.000.000đồng, chị N tự nguyện rút lại yêu cầu này.

- Bị đơn Bé H vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về thủ tục tố tụng: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên tòa nhiều lần, nhưng bị đơn Bé H vẫn vắng không lý do. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn.

Xét, việc chị N rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hui 118.000.000đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463, Điều 471 Bộ luật Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hui*”.

[3] - Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Đối với yêu cầu khởi kiện đòi nợ vay 1.200.000.000đồng, tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Trần Thị N đã cung cấp cho Tòa án bản chính “Biên nhận ngày 24/12/2020” với nội dung ghi nhận: Bà Nguyễn Thị Bé H có vay chị Trần Thị N 05 khoản tiền vào 05 thời điểm khác nhau, tổng cộng là 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng như nội dung đơn khởi kiện chị N đã trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cũng như các tài liệu mà chị N làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện của chị tại địa chỉ cư trú của bà Bé H, nhưng bà Bé H vẫn không tham dự các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và tham dự phiên tòa xét xử vụ án, bà H cũng không có nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của bà đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc chị N cho bà H vay số tiền 1.200.000.000đồng là có thật và thuộc trường hợp vay không kỳ hạn và có lãi được quy định tại Điều 463, Khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự. Từ ngày 08/12/2020 đến ngày 28/12/2020 âm lịch, chị N nhiều lần liên hệ

bà H để yêu cầu bà trả nợ gốc cho chị, nhưng bà H vẫn hứa hẹn và không trả mặc dù có viết cam kết trả nợ hui, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị N. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, Khoản 2 Điều 469, Điều 280 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N, cần buộc bà B Hai trả cho chị N 1.200.000.000đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với tiền lãi của số nợ gốc nói trên, chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] - Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Bé H phải chịu 36.000.000đồng + 3% x (1.200.000.000đồng – 800.000.000đồng) = 48.000.000đồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 2 Điều 92, Điều 5 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 471, Điều 463, Khoản 2 Điều 469 và Điều 280 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị N về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị B Hai trả cho nguyên đơn 118.000.000đồng tiền nợ hui.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ vay 1.200.000.000đồng của nguyên đơn Trần Thị N đối với bị đơn Nguyễn Thị Bé H.

Buộc bị đơn Nguyễn Thị B Hai trả cho nguyên đơn Trần Thị N số tiền nợ gốc **1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng**. Trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H chậm thi hành số tiền nợ nói trên cho chị N thì bà H còn phải trả lãi cho chị N đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Nguyễn Thị Bé H phải chịu **48.000.000** (bốn mươi tám triệu) **đồng**.

- H1 lại cho nguyên đơn Trần Thị N số tiền **25.770.000** (hai mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi ngàn) đồng tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006775 ngày 15/7/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4/ Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp.
- VKSND Khu vực 3 - Đồng Tháp .
- THADS tỉnh Đồng Tháp
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

HUỲNH THỊ TRÚC MAI

